

Số: 100/2026/QĐ-CTUBND

Lai Châu, ngày 20 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số
điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật
Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật
Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số
90/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được
sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số
07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số
43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của
Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng
đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 99/2026/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của
Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng
đường thủy nội địa được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 99/2026/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi
hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi
Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động
xây dựng;*

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 34/2026/TT-BXD ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về việc phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Lai Châu trong lĩnh vực xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Xây dựng;
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;
3. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Lai Châu;
4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Lĩnh vực đường bộ

a) Phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 8 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

b) Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 15 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

c) Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 10 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

d) Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

đ) Quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

e) Quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Điều 22 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

f) Quyết định giao đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc địa phương quản lý cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 4 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

g) Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

2. Lĩnh vực đường thủy nội địa

a) Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 28 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

b) Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5

Điều 15 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 29 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

c) Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 32 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

d) Quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 35 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

đ) Quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 8 Điều 38 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

e) Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 33 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

f) Quyết định giao đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 38 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

3. Lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng

Ban hành quyết định phá dỡ công trình xây dựng đối với trường hợp phải phá dỡ; quyết định cưỡng chế phá dỡ và tổ chức thực hiện phá dỡ công trình trong trường hợp chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình không thực hiện trách nhiệm của mình trong việc phá dỡ công trình xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 44 của Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

4. Lĩnh vực quản lý nhà ở

Quyết định thành lập Ban cưỡng chế thu hồi nhà ở xã hội (trong trường hợp bán, thuê mua sai đối tượng) theo quy định tại khoản 2 Điều 55 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội, khoản 8 Điều 14 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ

quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Điều 4. Phân cấp cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Lai Châu

Quyết định đầu tư *(bao gồm cả điều chỉnh, bổ sung)* các dự án phát triển quỹ đất sử dụng vốn ngân sách địa phương do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Lai Châu làm chủ đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, khoản 1 Điều 28 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp quy định tại Điều 3 Quyết định này; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về các nội dung được phân cấp theo quy định.

b) Định kỳ 06 tháng, hằng năm báo cáo Sở Xây dựng về tình hình thực hiện Quyết định này; gửi báo cáo trước ngày 10/6 đối với báo cáo 06 tháng và trước ngày 10/12 đối với báo cáo năm; thực hiện báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Lai Châu

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ được phân cấp theo quy định tại Điều 4 Quyết định này; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các nội dung được phân cấp theo quy định.

b) Thực hiện quyền và trách nhiệm của người quyết định đầu tư theo quy định tại Điều 39 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15.

c) Định kỳ 06 tháng, hằng năm hoặc đột xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện phân cấp. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh đột xuất, kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh *(qua Sở Xây dựng)* để xem xét, chỉ đạo.

d) Bố trí, sắp xếp cán bộ đủ năng lực, điều kiện để tổ chức thực hiện đúng quy định pháp luật về các nội dung được phân cấp.

3. Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Lai Châu thực hiện bảo đảm đúng quy định trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại địa phương.

b) Tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Xây dựng định kỳ, đột xuất theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2026.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp (b/c);
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VP UBND tỉnh: V, C, TTTTHN (đăng tải);
- Lưu: VT, KTN Hoàng, Quỳnh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Sỹ Cảnh